

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ
NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Thủ tục Công nhận làng nghề (Mã số TTHC: 1.003695).

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 15 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

1.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 30 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 15 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định. Việc cắt giảm thời hạn giải quyết góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

1.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm b, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, thành:

“b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng xét duyệt, chọn những đối tượng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 5 Nghị định này, ra quyết định và cấp bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống”.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

2. Thủ tục Công nhận nghề truyền thống (Mã số TTHC: 1.003712).

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 15 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

2.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 30 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 15 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định. Việc cắt giảm thời hạn giải quyết góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

2.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm b, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, thành:

“b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng xét duyệt, chọn những đối tượng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 5 Nghị định này, ra quyết định và cấp bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống”.

2.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

3. Thủ tục Công nhận làng nghề truyền thống (Mã số TTHC: 1.003727).

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 15 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

3.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 30 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 15 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định. Việc cắt giảm thời hạn giải quyết góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

3.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, như sau:

“b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng xét duyệt, lựa chọn đối tượng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định này; ban hành quyết định và cấp Bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống”.

3.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

4. Thủ tục Hỗ trợ Dự án liên kết (Cấp tỉnh) (Mã số TTHC: 1.003397).

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 25 ngày làm việc xuống còn 12,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 12,5 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

- Thay thế hình thức gửi văn bản giấy yêu cầu bổ sung hồ sơ bằng thông báo điện tử qua email hoặc Cổng Dịch vụ công nhằm rút ngắn thời gian trao đổi, giảm chi phí hành chính và phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số trong giải quyết TTHC.

4.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 25 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 12,5 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định. Đồng thời, việc chuyển từ hình thức thông báo bằng văn bản giấy sang thông báo điện tử giúp rút ngắn thời gian trao đổi, giảm chi phí hành chính và phù hợp với chủ trương chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính.

4.3. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 2 Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

4.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

5. Thủ tục Kiểm tra Nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu
(Mã số TTHC: 1.003486)

5.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 03 ngày làm việc xuống còn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với kiểm tra thông thường và từ 07 ngày làm việc xuống còn 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với kiểm tra chặt (tỷ lệ giảm 50%).

- Thay thế hình thức gửi văn bản giấy yêu cầu bổ sung hồ sơ bằng thông báo điện tử qua email hoặc Cổng Dịch vụ công nhằm rút ngắn thời gian trao đổi, giảm chi phí hành chính và phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số trong giải quyết TTHC.

5.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 03 ngày làm việc đối với kiểm tra thông thường và 07 ngày làm việc đối với kiểm tra chặt. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn tương ứng còn 1,5 ngày làm việc và 3,5 ngày làm việc, đồng thời vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn, trình tự, nội dung thẩm định theo quy định.

5.3. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 2 và điểm b, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

5.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

6. Thủ tục Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu (Mã số TTHC: 1.003524).

6.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 01 ngày làm việc xuống còn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 0,5 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

- Thay thế hình thức gửi văn bản giấy yêu cầu bổ sung hồ sơ bằng thông báo điện tử qua email hoặc Cổng Dịch vụ công nhằm rút ngắn thời gian trao đổi, giảm chi phí hành chính và phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số trong giải quyết TTHC.

6.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 01 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 0,5 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

6.3. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm 2b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

6.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

II. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Thủ tục Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (Mã số TTHC: 1.014736).

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 10 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

- Thay thế hình thức gửi văn bản giấy yêu cầu bổ sung hồ sơ bằng thông báo điện tử qua email hoặc Cổng Dịch vụ công nhằm rút ngắn thời gian trao đổi, giảm chi phí hành chính và phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số trong giải quyết TTHC.

1.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 20 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 10 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

1.3. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 28 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

III. LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

1. Thủ tục Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh) (Mã số TTHC: 1.005399).

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 26 ngày làm việc xuống còn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 13 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%)

1.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 26 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 13 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

1.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi khoản 1, khoản 4 Điều 38 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, cụ thể:

“1. Trong thời hạn không quá 11 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định này. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định số tiền sử dụng khu vực biển được hoàn trả (nếu có); các khoản nghĩa vụ tài chính và nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện”.

“4. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền quyết định cho phép trả lại khu vực biển.”

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

2. Thủ tục Công nhận khu vực biển cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.009481).

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 19 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 10 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 52,6%).

2.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 19 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 09 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

2.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 35 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, cụ thể:

“1. Trong thời hạn không quá 5 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định này. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).”

“2 c) Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 02 ngày làm việc”

“4. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền công nhận khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền công nhận khu vực biển xem xét, ra quyết định giao khu vực biển”

2.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

3. Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển cấp tỉnh (Mã số TTHC: 3.000436).

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 115 ngày làm việc xuống còn 57 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 58 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50,4%).

3.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 115 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 57 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

3.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 Nghị định 41/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 Nghị định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam (được bổ sung tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo), cụ thể:

“2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, người có thẩm quyền cấp phép quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.”.

3.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

IV. LĨNH VỰC THỦY SẢN

1. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá (Mã số TTHC: 1.003590)

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 10 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

1.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 20 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 10 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

1.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi điểm d khoản 4 Điều 15 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

“d) Trong thời hạn 10 ngày (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi), kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ sở đăng kiểm tàu cá tiến hành thẩm định thiết kế, nếu không đạt yêu cầu thì trả lời tổ chức, cá nhân; nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo Mẫu số 02.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này và ký, đóng dấu thẩm định vào tài liệu thiết kế;”

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

2. Thủ tục Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên) (Mã số TTHC: 1.004923).

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 35 ngày làm việc xuống còn 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 18 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 51,4%)

2.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 35 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 17 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

2.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

“c) Trong thời hạn 17 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.”

2.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

3. Thủ tục Sửa đổi, bổ sung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên) (Mã số TTHC: 1.004921).

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 35 ngày làm việc xuống còn 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 18 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 51,4%).

3.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 35 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 17 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

3.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

“c) Trong thời hạn 17 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.”

3.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

4. Thủ tục Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (vì mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu, hợp tác quốc tế). (Mã số TTHC: 1.003851).

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 08 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 53,3%).

4.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 15 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 07 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

4.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 15 Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

“b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định (có thể thành lập Hội đồng thẩm định đối với trường hợp nhiệm vụ bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo giống ban đầu, hợp tác quốc tế không phải do cơ quan nhà nước phê duyệt); lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc tổ chức được giao quản lý khu vực dự kiến khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (nếu có) và xem xét, quyết định cấp Văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo Mẫu số 05 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp không cấp văn bản chấp thuận thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

4.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

5. Thủ tục Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản (Mã số TTHC: 1.004943).

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 16 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 08 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

5.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 16 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 08 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

5.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 3 và điểm a khoản 6 Điều 12 Nghị định số 41/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

“b) Trong thời hạn 4 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra điều kiện cơ sở khảo nghiệm theo Mẫu số 07.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề cương khảo nghiệm theo Mẫu số 08.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này và cấp phép nhập khẩu giống thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu) nếu hồ sơ và điều kiện cơ sở khảo nghiệm đạt yêu cầu, đồng thời gửi Quyết định phê duyệt đề cương khảo nghiệm về Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp không đạt yêu cầu phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

a) Trong thời hạn 4 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản theo Mẫu số 09.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không công nhận phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.”

5.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

6. Thủ tục Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (Mã số TTHC: 1.004683).

6.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 16 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 08 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

6.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 16 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 08 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định. Việc cắt giảm thời hạn giải quyết không ảnh hưởng đến chất lượng thẩm định, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính và tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

6.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 3 và điểm a khoản 5 Điều 17 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản, cụ thể:

“b) Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra điều kiện cơ sở khảo nghiệm theo Mẫu số 17.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề cương khảo nghiệm theo Mẫu số 18.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này và cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu) nếu hồ sơ và điều kiện cơ sở khảo nghiệm đạt yêu cầu, đồng thời gửi Quyết định phê duyệt đề cương khảo nghiệm về Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp không đạt yêu cầu phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

a) Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm

thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 19.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không công nhận phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.”

6.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

7. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân (Mã số TTHC: 1.004913).

7.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 06 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 03 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

7.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 06 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 03 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

7.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 20 Nghị định số 41/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản, cụ thể:

“b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện kiểm tra thực tế tại cơ sở theo Mẫu số 22.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.”

7.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

V. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

1. Thủ tục Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón (Mã số TTHC: 1.007929).

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 02 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 28,6%).

1.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 07 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 05 ngày

làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

1.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi điểm c, khoản 2 Điều 17 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, thành:

“c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón theo Mẫu số 15 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

2. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (Mã số TTHC: 1.007927).

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 10 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

2.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 20 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 10 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

2.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm c, điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, thành:

“c) Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện sản xuất phân bón, việc thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất phân bón theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 50 Luật Trồng trọt (có thể thành lập đoàn kiểm tra và biên bản kiểm tra điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 27 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 28 Phụ lục I ban hành kèm

theo Nghị định này; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

2.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

3. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (Mã số TTHC: 1.007928).

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 10 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

3.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 20 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 10 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

3.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm c, điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, thành:

“c) Trong thời hạn 09 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn; thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón; thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; trong thời hạn 02 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 28 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp lại, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

3.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành

chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

4. Thủ tục Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (Mã số TTHC 2.001236).

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 13 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 08 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 38,5%).

4.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 13 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 08 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

4.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi điểm c, điểm d khoản 2 Điều 22 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý Nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, thành:

“c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

d) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp quyết định công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật; trường hợp không cấp thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.”.

4.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

5. Thủ tục Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón (Mã số TTHC 1.007926)

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 10 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

5.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 20 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 10 ngày

làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

5.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi khoản 2 Điều 10 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ về Quy định quản lý phân bón, thành:

“Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thẩm định nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ đạt yêu cầu thực hiện kiểm tra thực tế điều kiện của tổ chức khảo nghiệm.”.

5.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

6. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (Mã số TTHC: 2.001427)

6.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 25 ngày làm việc xuống còn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 12 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 48%).

6.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 25 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 13 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

6.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm c, điểm d, khoản 3 Điều 2 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, thành:

“c) Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực tế (có thành lập đoàn đánh giá và biên bản đánh giá điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 07 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

6.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

7. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (Mã số TTHC: 1.002560).

7.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 25 ngày làm việc xuống còn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 12 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 48%).

7.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 25 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 13 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

7.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm c, điểm d, khoản 3 Điều 2 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, thành:

“c) Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực tế (có thành lập đoàn đánh giá và biên bản đánh giá điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 07 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

7.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

VI. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

1. Thủ tục Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (Mã số TTHC 1.012064).

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 20%).

1.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 05 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 04 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định. Việc cắt giảm thời hạn giải quyết góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

1.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi Điều 27 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

2. Thủ tục Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (Mã số TTHC: 1.012063).

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 02 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 20%).

2.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 05 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 04 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định. Việc cắt giảm thời hạn giải quyết góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

2.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi Điều 26 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

2.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

VII. LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN

1. Thủ tục Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (Mã số TTHC: 1.014263).

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 26 ngày làm việc xuống còn 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 03 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 11,5%; giảm 50% so với năm 2024 quy định 45 ngày làm việc).

1.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 26 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 23 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

1.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi khoản 3 và khoản 4 Điều 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ) quy định thời gian thẩm định không quá 16 ngày làm việc và thời gian quyết định việc gia hạn giấy phép quy định không quá 05 ngày làm việc; hơn nữa, thời gian giải quyết TTHC này được áp dụng chung cho thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và thẩm quyền của cấp tỉnh.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

2. Thủ tục Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (Mã số TTHC: 1.014264).

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 26 ngày làm việc xuống còn 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 03 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 11,5%; giảm 50% so với năm 2024 quy định 45 ngày làm việc).

2.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 26 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 23 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

2.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi khoản 3 và khoản 4 Điều 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ) quy định thời gian thẩm định không quá 16 ngày làm việc và thời gian quyết định việc điều chỉnh giấy phép quy định không quá 05 ngày làm việc; hơn nữa, thời gian giải quyết TTHC này được áp

dụng chung cho thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và thẩm quyền của cấp tỉnh.

2.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

3. Thủ tục Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Mã số TTHC: 1.014271).

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 26 ngày làm việc xuống còn 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 03 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 11,5%; giảm 50% so với năm 2024 quy định 45 ngày làm việc).

3.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 26 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 23 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

3.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi khoản 3 và khoản 4 Điều 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ) quy định thời gian thẩm định không quá 16 ngày làm việc và thời gian quyết định việc chuyển nhượng giấy phép quy định không quá 05 ngày làm việc; hơn nữa, thời gian giải quyết TTHC này được áp dụng chung cho thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và thẩm quyền của cấp tỉnh.

3.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

4. Thủ tục Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (Mã số TTHC: 1.014266).

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 34 ngày làm việc xuống còn 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 11 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 32,4%; tương đương giảm 50% so với năm 2024 quy định 45 ngày làm việc).

4.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 34 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 23 ngày

làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

4.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi khoản 3 và khoản 4 Điều 67 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ) quy định thời gian thẩm định không quá 24 ngày làm việc và thời gian quyết định việc gia hạn giấy phép quy định không quá 05 ngày làm việc; hơn nữa, thời gian giải quyết TTHC này được áp dụng chung cho thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và thẩm quyền của cấp tỉnh.

4.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

5. Thủ tục Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (Mã số TTHC: 1.014267).

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 34 ngày làm việc xuống còn 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 11 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 32,4%; tương đương giảm 50% so với năm 2024 quy định 45 ngày làm việc).

5.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 34 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 23 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

5.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi khoản 3 và khoản 4 Điều 67 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ) quy định thời gian thẩm định không quá 24 ngày làm việc và thời gian quyết định việc điều chỉnh giấy phép quy định không quá 05 ngày làm việc; hơn nữa, thời gian giải quyết TTHC này được áp dụng chung cho thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và thẩm quyền của cấp tỉnh.

5.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

6. Thủ tục Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (Mã số TTHC: 1.014269).

6.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 34 ngày làm việc xuống còn 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 11 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 32,4%; tương đương giảm 50% so với năm 2024 quy định 45 ngày làm việc).

6.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 34 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 23 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

6.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi khoản 3 và khoản 4 Điều 67 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ) quy định thời gian thẩm định không quá 24 ngày làm việc và thời gian quyết định việc trả lại giấy phép quy định không quá 05 ngày làm việc; hơn nữa, thời gian giải quyết TTHC này được áp dụng chung cho thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và thẩm quyền của cấp tỉnh.

6.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

7. Thủ tục Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Mã số TTHC: 1.014270).

7.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 34 ngày làm việc xuống còn 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 11 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 32,4%; tương đương giảm 50% so với năm 2024 quy định 45 ngày làm việc).

7.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 34 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 23 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

7.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi khoản 3 và khoản 4 Điều 67 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ) quy định thời gian thẩm định không quá 24 ngày làm việc và thời gian quyết định việc chuyển nhượng giấy phép quy định không quá 05 ngày làm việc; hơn nữa, thời gian giải quyết TTHC này được

áp dụng chung cho thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và thẩm quyền của cấp tỉnh.

7.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

8. Thủ tục Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (Mã số TTHC: 1.014278).

8.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 50 ngày làm việc xuống còn 39 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 11 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 22%; tương đương giảm 50% so với năm 2024 quy định 78 ngày làm việc).

8.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 50 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 39 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

8.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi khoản 3 và khoản 4 Điều 106 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ) quy định thời gian thẩm định không quá 40 ngày làm việc và thời gian quyết định việc đóng cửa mỏ quy định không quá 05 ngày làm việc; hơn nữa, thời gian giải quyết TTHC này được áp dụng chung cho thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và thẩm quyền của cấp tỉnh.

8.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

9. Thủ tục Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mã số TTHC: 1.014282).

9.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 16 ngày làm việc xuống còn 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 05 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 31,3%; tương đương giảm 47,6% so với năm 2024 quy định 21 ngày).

9.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 16 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 11 ngày

làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

9.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi khoản 3 và khoản 4 Điều 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ) quy định thời gian thẩm định không quá 08 ngày làm việc và thời gian quyết định việc đóng cửa mỏ quy định không quá 05 ngày làm việc; hơn nữa, thời gian giải quyết TTHC này được áp dụng chung cho thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và thẩm quyền của cấp tỉnh.

9.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

10. Thủ tục Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản (Mã số TTHC: 1.014787).

10.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 22 ngày làm việc xuống còn 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 50% thời gian giải quyết hiện hành).

10.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 22 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 11 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

10.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi khoản 3 Điều 100a Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ) quy định tổng thời gian giải quyết không quá 22 ngày làm việc; hơn nữa, thời gian giải quyết TTHC này được áp dụng chung cho thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và thẩm quyền của cấp tỉnh.

10.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

VIII. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

1. Thủ tục Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Mã số TTHC: 1.003388).

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 18 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 09 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

1.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 18 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 09 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

1.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Thủ tướng Chính phủ sửa đổi khoản 3 Điều 4 Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thành:

“3. Trình tự thủ tục thẩm định, cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

a) Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, quyết định thành lập Tổ thẩm định hồ sơ công nhận doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định) đối với các hồ sơ hợp lệ hoặc có văn bản thông báo cho doanh nghiệp về việc hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; thời gian doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định có từ 7 đến 9 thành viên, gồm: Tổ trưởng là đại diện lãnh đạo và 01 thư ký là chuyên viên thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các thành viên khác gồm đại diện các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; ngoài ra có thể mời thêm một số chuyên gia có liên quan.

b) Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc sau khi có quyết định thành lập, Tổ thẩm định tiến hành họp thẩm định hồ sơ khi có ít nhất hai phần ba số thành viên có mặt. Tổ thẩm định có trách nhiệm đánh giá hồ sơ do doanh nghiệp lập về tính đầy đủ, chính xác, đáp ứng các điều kiện theo quy định; lập biên bản họp gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày họp, trên cơ sở kết quả họp Tổ thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

d) Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả tổng hợp từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quyết định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và gửi cho doanh nghiệp, trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.”

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân;

nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

2. Thủ tục Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Mã số TTHC: 1.003371).

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 18 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 09 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

2.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 18 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 09 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

2.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Thủ tướng Chính phủ sửa đổi khoản 3 Điều 4 Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thành:

“3. Trình tự thủ tục thẩm định, cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

a) Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, quyết định thành lập Tổ thẩm định hồ sơ công nhận doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định) đối với các hồ sơ hợp lệ hoặc có văn bản thông báo cho doanh nghiệp về việc hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; thời gian doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định có từ 7 đến 9 thành viên, gồm: Tổ trưởng là đại diện lãnh đạo và 01 thư ký là chuyên viên thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các thành viên khác gồm đại diện các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; ngoài ra có thể mời thêm một số chuyên gia có liên quan.

b) Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc sau khi có quyết định thành lập, Tổ thẩm định tiến hành họp thẩm định hồ sơ khi có ít nhất hai phần ba số thành viên có mặt. Tổ thẩm định có trách nhiệm đánh giá hồ sơ do doanh nghiệp lập về tính đầy đủ, chính xác, đáp ứng các điều kiện theo quy định; lập biên bản họp gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày họp, trên cơ sở kết quả họp Tổ thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

d) Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả tổng hợp từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quyết định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và gửi cho doanh nghiệp, trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.”

2.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

3. Thủ tục Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (Mã số TTHC: 1.003618).

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 60 ngày làm việc xuống còn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 30 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

3.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 60 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 30 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

3.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 25 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.

3.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

IX. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Thủ tục Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Mã số TTHC: 1.011647).

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 15 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

1.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 30 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 15 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

1.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Thủ tướng Chính phủ sửa đổi khoản 3 Điều 4 Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thành:

“3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hợp lệ, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn có trách nhiệm tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Trường hợp từ chối công nhận thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức đề nghị công nhận.”.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

X. LĨNH VỰC BẢO HIỂM

1. Thủ tục Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp (Mã số TTHC: 1.005411).

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 15 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

1.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 30 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 15 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

1.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Bộ Tài chính tham mưu Chính phủ sửa đổi khoản 6 Điều 27 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

XI. LĨNH VỰC KIỂM LÂM

1. Thủ tục Đăng ký mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES (Mã số TTHC: 1.004819).

1.1 Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trường hợp cần kiểm tra thực tế từ 15 ngày làm việc xuống còn 7,5 ngày làm việc

kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 7,5 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 50%).

1.2 Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 15 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 7,5 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

1.3 Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm d, khoản 4 Điều 26 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, thành:

“d) Trường hợp cần kiểm tra thực tế, trong thời hạn 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp mã số tiến hành kiểm tra thực tế và cấp mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng theo Mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không cấp mã số, thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;”.

1.4 Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

2. Thủ tục Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý (Mã số TTHC: 1.012690).

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trường hợp Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý từ 15 ngày làm việc xuống còn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 7,5 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 50%).

2.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 15 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 7,5 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

2.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi khoản 4 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ, thành:

“c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc cơ quan chuyên môn trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ kiểm tra, xác minh và tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ xem xét, phê duyệt. Hồ sơ trình phê duyệt gồm: hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, tờ trình và báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh;

d) Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình và hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc cơ quan chuyên môn trực thuộc bộ, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ xem xét, quyết định phê duyệt phương án sử dụng rừng theo Mẫu số 29 Phụ lục IIA ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

2.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

3. Thủ tục Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES (Mã số TTHC: 1.004819).

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trường hợp cần kiểm tra thực tế từ 15 ngày làm việc xuống còn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 7,5 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 50%).

3.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 15 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 7,5 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

3.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm d, khoản 4 Điều 26 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, thành:

“d) Trường hợp cần kiểm tra thực tế, trong thời hạn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp mã số tiến hành kiểm tra thực tế và cấp mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng theo Mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không cấp mã số, thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;”.

3.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

4. Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung thông tin mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES (Mã số TTHC: 3.000.496).

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trường hợp cần kiểm tra thực tế từ 15 ngày làm việc xuống còn 7,5 ngày làm

việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 7,5 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 50%).

4.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 15 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 7,5 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

4.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm d, khoản 4 Điều 26 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, thành:

“d) Trường hợp cần kiểm tra thực tế, trong thời hạn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp mã số tiến hành kiểm tra thực tế và cấp mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng theo Mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không cấp mã số, thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;”.

4.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

5. Thủ tục Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức (Mã số TTHC: 1.012689).

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trường hợp cần kiểm tra thực tế từ 08 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 04 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 50%).

5.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 08 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 04 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

5.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi Điều 20 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ):

“b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức theo Mẫu số 23 Phụ lục IIA ban hành kèm theo Nghị định này, kèm theo hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã lập tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân theo Mẫu số 24 Phụ lục IIA ban hành kèm theo Nghị định này và kèm theo hồ sơ

theo quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình và hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức theo Mẫu số 25 Phụ lục IIA ban hành kèm theo Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân theo Mẫu số 26 Phụ lục IIA ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

5.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

XII. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

1. Thủ tục Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (Mã số TTHC: 1.000058).

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 12 ngày làm việc xuống còn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 06 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

1.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 12 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 06 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

1.3. Kiến nghị thực thi:

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về trình tự miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng tại khoản 2 Điều 75 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Cụ thể đề xuất điều chỉnh các bước tại khoản 2 Điều 75 Hồ sơ và trình tự miễn, giảm Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, thành:

“Trình tự miễn, giảm

a) Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, trong thời gian 1/2 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ, bên nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho bên nộp hồ sơ về tính hợp lệ của hồ sơ;

b) Đối với hồ sơ nhận qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng, trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, bên nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho bên nộp hồ sơ về tính hợp lệ của hồ sơ;

c) Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị miễn, giảm hợp lệ, bên nhận hồ sơ quyết định thành lập Đoàn kiểm tra xác minh; 62;

d) Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi có quyết định thành lập, Đoàn kiểm tra phải tiến hành kiểm tra, xác minh;

đ) Trong thời gian 02 ngày làm việc sau khi kết thúc kiểm tra, Đoàn kiểm tra hoàn thành báo cáo, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định miễn, giảm đối với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh hoặc gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định miễn, giảm đối với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi nằm trên địa giới hành chính từ hai tỉnh trở lên”.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

2. Thủ tục Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.000071).

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 15 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

2.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 30 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 15 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

2.3. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về trình tự miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng quy định tại khoản 2 Điều 84 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. Cụ thể đề xuất điều chỉnh các bước tại khoản 2 Điều 84 Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, thành:

“2. Quỹ cấp tỉnh

a) Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, công đồng dân cư có nhu cầu hỗ trợ gửi văn bản đề nghị hỗ trợ, kèm theo văn kiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ban điều hành Quỹ;

b) Trước ngày 12 tháng 01 hằng năm, ban điều hành Quỹ chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thẩm định, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, Giám đốc Quỹ thông báo qua dịch vụ bưu chính cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được hỗ trợ biết để triển khai thực hiện”.

2.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

3. Thủ tục Nộp tiền trồng rừng thay thế (Mã số TTHC: 1.007916).

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Trường hợp thực hiện tại địa phương: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 18 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 08 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 44%).

- Trường hợp thực hiện tại địa phương khác: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 27 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 12 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 44%).

3.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 18 ngày làm việc trường hợp thực hiện tại địa phương và 27 ngày làm việc trường hợp thực hiện tại địa phương khác. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 10 ngày làm việc trường hợp thực hiện tại địa phương và 15 ngày làm việc trường hợp thực hiện tại địa phương khác mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

3.3. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 11, Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm theo hướng rút ngắn thời gian thực hiện một số bước trong trình tự giải quyết TTHC “Nộp tiền trồng rừng thay thế”, bảo đảm phù hợp với thực tế triển khai. Cụ thể đề xuất điều chỉnh các bước tại Điều 11 Thông tư số

84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, thành:

“4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét 20 một trong hai trường hợp: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế tại địa phương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận bố trí thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương khác.

5. Trường hợp nộp tiền trồng rừng thay thế tại địa phương nơi thực hiện dự án

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư dự án về việc chấp thuận nộp tiền, thời gian và số tiền phải nộp trên cơ sở diện tích phải trồng rừng thay thế và đơn giá trồng rừng thay thế của tỉnh;

b) Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ đầu tư dự án nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ tiền, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư dự án về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế

6. Trường hợp bố trí thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương khác

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận việc bố trí thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương khác theo Mẫu số 03 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận kinh phí trồng rừng thay thế cung cấp thông tin về địa điểm, diện tích, đơn giá trồng rừng thay thế của tỉnh tại thời điểm chủ đầu tư dự án đề nghị nộp tiền;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận kinh phí trồng rừng thay thế có văn bản xác nhận việc bố trí diện tích, loại rừng, địa điểm, đơn giá, kinh phí kèm theo Mẫu số 04 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này và bản sao quyết định phê duyệt đơn giá trồng rừng của tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế, Bộ Nông

nghiệp và Môi trường có văn bản gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền về việc bố trí thực hiện trồng rừng tại địa phương khác;

đ) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền chuyển tiền trồng rừng thay thế về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh 21 nơi tiếp nhận trồng rừng”.

3.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

4. Thủ tục Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.000055).

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trường hợp cần kiểm tra thực tế từ 20 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 10 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

4.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 20 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 10 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

4.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm tham mưu Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi nội dung tại điểm c khoản 3 Điều 13 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường như sau:

“c) Trình tự thực hiện:

Chủ rừng nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này đến Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra tính hợp lệ của thành phần hồ sơ, trả lời ngay đối với hồ sơ nộp trực tiếp, trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử; trường hợp hồ sơ chưa đủ thành phần theo quy định, thông báo bằng văn bản cho chủ rừng và nêu rõ lý do;

Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường lấy ý kiến bằng văn bản các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chủ rừng được Nhà nước giao đất, giao rừng hoặc cho thuê đất, cho thuê rừng về nội dung phương án;

Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến,

các cơ quan, đơn vị, địa phương được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản;

Trong thời hạn 6 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị, địa phương được lấy ý kiến, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định theo Mẫu số 06 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 07 Phụ lục III hoặc phê duyệt điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 08 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không phê duyệt hoặc không điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững, trả lời bằng văn bản cho chủ rừng và nêu rõ lý do.”.

4.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

5. Thủ tục Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.014838).

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trường hợp cần kiểm tra thực tế từ 18 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 09 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%)

5.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 18 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 09 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

5.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm b, điểm c khoản 2, Điều 16 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ, cụ thể:

“b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của cơ quan, tổ chức có liên quan, trường hợp tại khu vực giáp ranh, nằm trong hoặc liên quan trực tiếp đến đất quốc phòng, khu vực biên giới phải lấy ý kiến của cơ quan quân sự đóng tại địa phương; hoàn thành báo cáo thẩm định phương án chuyển loại rừng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trường hợp thẩm định không đạt, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thông báo cho chủ rừng bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định chuyển loại rừng, chuyển bộ phận tiếp nhận hồ sơ để thông báo cho chủ rừng.”

5.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

6. Thủ tục Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.000084)

6.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trường hợp cần kiểm tra thực tế từ 25 ngày làm việc xuống còn 12,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 12,5 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

6.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 25 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 12,5 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

6.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi nội dung tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ khoản 4 Điều 14 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ (được sửa đổi bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ và Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ) như sau:

“a) Chủ rừng nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này đến Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm (đối với khu rừng đặc dụng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý) hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý) bằng cách thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, trả lời ngay tính hợp lệ của hồ sơ đối với hồ sơ nộp trực tiếp, trong thời hạn 0,5 ngày làm việc đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị có liên quan về hồ sơ và nội dung của đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này;

c) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan, đơn vị có ý kiến thẩm định bằng văn bản gửi cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;

d) Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính hoàn thành báo cáo thẩm định; trường hợp thẩm định không đạt thì thông báo

cho chủ rừng bằng văn bản và nêu rõ lý do;

đ) Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do cơ quan giải quyết thủ tục hành chính trình, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đối với khu rừng đặc dụng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý) hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý) quyết định phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng theo Mẫu số 15 Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này, chuyển bộ phận tiếp nhận hồ sơ để thông báo cho chủ rừng.

Quyết định phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của khu rừng đặc dụng là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đề nghị của chủ dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí đối với dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.”.

6.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

7. Thủ tục Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.000055).

7.1 Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trường hợp cần kiểm tra thực tế từ 20 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 10 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

7.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 20 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 10 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

7.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm tham mưu Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi nội dung tại điểm c khoản 3 Điều 13 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường như sau:

“c) Trình tự thực hiện:

Chủ rừng nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này đến Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra tính hợp lệ của thành phần hồ sơ, trả lời ngay đối với hồ sơ nộp trực tiếp, trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi

trường điện tử; trường hợp hồ sơ chưa đủ thành phần theo quy định, thông báo bằng văn bản cho chủ rừng và nêu rõ lý do;

Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường lấy ý kiến bằng văn bản các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chủ rừng được Nhà nước giao đất, giao rừng hoặc cho thuê đất, cho thuê rừng về nội dung phương án;

Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, các cơ quan, đơn vị, địa phương được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản;

Trong thời hạn 6 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị, địa phương được lấy ý kiến, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định theo Mẫu số 06 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 07 Phụ lục III hoặc phê duyệt điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 08 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không phê duyệt hoặc không điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững, trả lời bằng văn bản cho chủ rừng và nêu rõ lý do.”.

7.4. *Lợi ích phương án đơn giản hóa:* Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

8. Thủ tục Phê duyệt đề án du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.000081).

8.1. *Nội dung đơn giản hóa:* Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trường hợp cần kiểm tra thực tế từ 25 ngày làm việc xuống còn 12,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 12,5 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

8.2. *Lý do đề nghị:* Thời hạn giải quyết theo quy định là 25 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 12,5 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

8.3. *Kiến nghị thực thi:* Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi nội dung tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ khoản 4 Điều 23 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ (được sửa đổi bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ và Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ) như sau:

“a) Chủ rừng nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này đến Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đối với khu rừng phòng hộ thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi

trường quản lý hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý bằng cách thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, trả lời ngay tính hợp lệ của hồ sơ đối với hồ sơ nộp trực tiếp, trong thời hạn 0,5 ngày làm việc đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của cơ quan, đơn vị có liên quan về hồ sơ và nội dung của đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này;

c) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan, đơn vị có ý kiến thẩm định bằng văn bản gửi cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;

d) Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm hoàn thành báo cáo thẩm định; trường hợp thẩm định không đạt thì thông báo bằng văn bản cho chủ rừng và nêu rõ lý do;

đ) Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ do cơ quan giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại điểm a khoản này trình, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đối với khu rừng phòng hộ thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý) hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý) quyết định phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ theo Mẫu số 15 Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này, gửi bộ phận tiếp nhận hồ sơ để trả kết quả cho chủ rừng bằng bản giấy và bản điện tử.

Quyết định phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của khu rừng phòng hộ là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đề nghị của chủ dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí đối với dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.”

8.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

9. Thủ tục Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Mã số TTHC: 3.000198).

9.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính

trường hợp cần kiểm tra thực tế từ 14 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 07 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

9.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 14 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 07 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

9.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm c khoản 7 Điều 6 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, thành:

“c) Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định, tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra hiện trường, lập biên bản và báo cáo thẩm định theo tiêu chuẩn quốc gia;

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo thẩm định, Thủ trưởng Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định công nhận nguồn giống theo Mẫu số 06 Phụ lục I và Mục B Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, trả kết quả và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường; trường hợp không công nhận phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;”

9.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

10. Thủ tục Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư (Mã số TTHC: 1.007918).

10.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trường hợp cần kiểm tra thực tế từ 09 ngày làm việc xuống còn 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 4,5 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

10.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 09 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 4,5 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

10.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi khoản 2 Điều 50 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ, thành:

“2. Trình tự thẩm định, thiết kế dự toán công trình lâm sinh:

a) Chủ đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 30 Nghị định này đến

cơ quan chủ trì thẩm định quy định tại khoản 1 Điều này bằng cách thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

b) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, trả lời ngay tính hợp lệ của hồ sơ đối với hồ sơ nộp trực tiếp, trong thời hạn 01 ngày làm việc đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thẩm định tổ chức thẩm định và hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định theo Mẫu số 15 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trả kết quả cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ để thông báo kết quả thẩm định cho chủ đầu tư.”.

10.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

11. Thủ tục Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng (Mã số TTHC: 1.011470).

11.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trường hợp cần kiểm tra thực tế từ 10 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 05 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

11.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 10 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 05 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu chuyên môn trong quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ.

11.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi điểm c khoản 6 Điều 6 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, thành:

“c) Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này ban hành Quyết định phê duyệt phương án khai thác theo Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ. Trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác, trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án khai thác thông báo cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về việc xác minh. Trường hợp không phê duyệt thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

11.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

XIII. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

1. Thủ tục Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu (Mã số TTHC: 3.000128).

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc xuống còn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 7,5 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

1.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 15 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 7,5 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

1.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ điều chỉnh điểm c khoản 6 Điều 3 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y thành:

c) Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc đối với công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung; 05 ngày làm việc đối với công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung; 05 ngày làm việc đối với thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y tổ chức thẩm định và công bố, công bố lại, thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp không đồng ý nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.”.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

2. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu) (Mã số TTHC: 1.008126).

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính:

- Từ 18 ngày làm việc (cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung) đạt yêu cầu giảm còn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 09 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

- Từ 10 ngày làm việc (cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng) đạt yêu cầu giảm còn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 05 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

2.2. *Lý do đề nghị:* Thời gian giải quyết theo quy định là 18 ngày làm việc (cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung) và 10 ngày làm việc (cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng) đối với hồ sơ đạt yêu cầu. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính có thể rút ngắn còn 09 ngày làm việc (cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung) và 05 ngày làm việc (cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng).

2.3. *Kiến nghị thực thi:*

a) Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi khoản 3 Điều 4 Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y thành:

“3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung:

...Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, trong thời hạn 07 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này và lập Biên bản theo Mẫu số 05.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp cơ sở không đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc đánh giá, tổ chức, cá nhân khắc phục và gửi báo cáo kết quả khắc phục bằng văn bản đến cơ quan có thẩm quyền để được thẩm định và đánh giá lại điều kiện thực tế (trường hợp cần thiết).

Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi theo Mẫu số 06.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

b) Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ điều chỉnh điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật chăn nuôi:

“c) Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, cơ quan có thẩm quyền thẩm định nội dung hồ sơ; trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi theo Mẫu số 06.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu phải đánh giá điều kiện thực tế để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thì cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này.”

2.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

3. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi (Mã số TTHC: 1.011031).

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 10 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

3.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 20 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 10 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định. Việc cắt giảm thời hạn giải quyết góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

3.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ điều chỉnh khoản 2 Điều 13 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y thành:

“2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. *Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi*

...b) Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 (một) ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y thành lập Đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất, nội dung đánh giá theo quy định tại Mẫu số 09.MTCN và lập biên bản đánh giá theo Mẫu số 10.MTCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp cơ sở không đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc đánh giá, cơ sở thực hiện khắc phục và gửi báo cáo kết quả khắc phục bằng văn bản đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính để được thẩm định và đánh giá lại điều kiện thực tế (trường hợp cần thiết).

Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi theo Mẫu số 11.MTCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

3.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

XIV. LĨNH VỰC THÚ Y

1. Thủ tục Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y (Mã số TTHC: 1.004022).

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày làm việc xuống còn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 2,5 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

1.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 05 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 2,5 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

1.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi khoản 1 Điều 27 Thông tư 09/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 (văn bản hết hiệu lực: 01/03/2027) thành:

“b) Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y cấp tỉnh cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y theo mẫu số 10.QLT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp không cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

2. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (Mã số TTHC: 1.001686).

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 08 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 04 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

2.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 08 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 04 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

2.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi Điều 24 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y thành:

“b) Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y kiểm tra điều kiện của cơ sở buôn bán thuốc thú y, nếu đủ điều kiện trong thời hạn 1,5 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y. Trường hợp không cấp trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

3. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (Mã số TTHC: 1.004839).

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày làm việc xuống còn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 2,5 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

3.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 05 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 2,5 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

3.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi Điều 24 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y) thành:

“b) Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y kiểm tra điều kiện của cơ sở buôn bán thuốc thú y, nếu đủ điều kiện trong thời hạn 1,5 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y. Trường hợp không cấp trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

4. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu) (Mã số TTHC: 1.011478).

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 21 ngày làm việc xuống còn 10,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 10,5 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

4.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 21 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 10,5 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

4.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi Điều 27 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật, thành:

Điều 27. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký công nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật

1. Trong thời hạn 2,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan thú y tiếp nhận và thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan thú y thông báo cho Ủy ban nhân dân về kế hoạch đánh giá thực tế tại vùng. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cơ quan thú y thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân để hoàn thiện.

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường điều chỉnh khoản 9 Điều 26 Thông tư 09/2025/TT-BNNMT ngày 09/6/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường có hiệu lực từ ngày 01/07/2025 (văn bản hết hiệu lực: 01/03/2027) thành:

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 28 như sau:

“1. Trong thời hạn 3,5 ngày kể từ ngày thẩm định xong nội dung của hồ sơ, Cơ quan cấp giấy tổ chức Đoàn đánh giá và thực hiện đánh giá tại vùng theo quy định tại Điều 29 Thông tư này.”

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi khoản 10 Điều 26 Thông tư 09/2025/TT-BNNMT ngày 09/6/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường có hiệu lực từ ngày 01/07/2025 (văn bản hết hiệu lực: 01/03/2027) thành:

“1. Trong thời hạn 4,5 ngày kể từ ngày kết thúc việc đánh giá tại vùng hoặc kể từ ngày nhận kết quả xét nghiệm bệnh theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Thông tư này.”

4.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

5. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu) (Mã số TTHC: 1.011479).

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 03 ngày làm việc xuống còn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 1,5 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

5.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 03 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 1,5 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

5.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường điều chỉnh Khoản 11 Điều 26 Thông tư 09/2025/TT-BNNMT ngày 09/6/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường có hiệu lực từ ngày 01/07/2025 (văn bản hết hiệu lực: 01/03/2027) thành:

“c) Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, căn cứ vào kết quả đánh giá định kỳ hàng năm hoặc báo cáo khắc phục sai lỗi (đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này), hoặc báo cáo kết quả xử lý dịch bệnh và giám sát dịch bệnh (đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này) Cơ quan cấp giấy thẩm định và cấp lại Giấy chứng nhận cho vùng. Trường hợp không cấp lại, Cơ quan cấp giấy phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

5.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ

của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

6. Thủ tục Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin) (Mã số TTHC: 1.013813).

6.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc xuống còn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 7,5 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

6.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 15 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 7,5 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

6.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường điều chỉnh, bổ sung Điều 15 Thông tư 09/2025/TT-BNNMT ngày 09/6/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường có hiệu lực từ ngày 01/07/2025 (văn bản hết hiệu lực: 01/03/2027) thành:

“3.) Thời gian giải quyết TTHC Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin) trong thời hạn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.”

6.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

7. Thủ tục Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (Mã số TTHC: 1.014779).

7.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 08 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 04 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

7.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 08 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 04 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

7.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi Điều 24 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y) thành:

“b) Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành

chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y kiểm tra điều kiện của cơ sở buôn bán thuốc thú y, nếu đủ điều kiện trong thời hạn 1,5 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y. Trường hợp không cấp trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

8. Thủ tục Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin) (Mã số TTHC: 1.014777).

8.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 08 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 04 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

8.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 08 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 04 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

8.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chính phủ sửa đổi Điều 22 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y) thành:

“b) Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y, thực hiện kiểm tra điều kiện của cơ sở sản xuất, trường hợp đủ điều kiện trong thời hạn 1,5 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y. Trường hợp không cấp trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

8.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

XV. LĨNH VỰC TỔNG HỢP

1. Thủ tục Khai thác thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh) (Mã số TTHC: 1.004237).

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày làm việc xuống còn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 2,5 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

1.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 05 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 2,5 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

1.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi điểm b, khoản 1 Điều 18 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thành:

“b) Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu tiếp nhận kiểm tra văn bản, phiếu yêu cầu, thông báo nghĩa vụ tài chính (trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính) cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, dữ liệu thì phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết;”.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

XVI. LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN

1. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh) (Mã số TTHC: 1.000987).

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 05 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 33%).

1.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 15 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 10 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

1.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi khoản 2 Điều 17 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ, thành:

“2. Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, tổ chức thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận, trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung

giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn cho tổ chức và cá nhân có đủ điều kiện trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc.”.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

2. Thủ tục Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh) (Mã số TTHC: 1.000970).

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 05 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 33%).

2.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 15 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 10 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

2.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi khoản 2 Điều 17 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ, thành:

“2. Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, tổ chức thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận, trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn cho tổ chức và cá nhân có đủ điều kiện trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc.”.

2.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

3. Thủ tục Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh (Mã số TTHC: 1.013861).

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 12 ngày làm việc còn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 05 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 41,7%).

3.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 12 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 07 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

3.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi Mục 1 Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ, thành:

“1. Trình tự, thủ tục xin phép trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị xin phép trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài đến Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản;

c) Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định (có thể thành lập Hội đồng thẩm định) hoặc tổ chức kiểm tra thực tế (có thể thành lập đoàn kiểm tra) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

d) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nhất trí việc xin phép trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài; trường hợp không nhất trí thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.”.

3.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

XVII. LĨNH VỰC THỦY LỢI

1. Thủ tục Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.014847).

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 22 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; (giảm 07 ngày làm việc; so với thời điểm năm 2024 giảm 15 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

1.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 22 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 15 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

1.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 13 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi thành:

“a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ giải quyết hồ sơ tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt. Trường hợp phải lấy ý kiến theo quy định tại khoản 4 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến;”.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

2. Thủ tục Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.004427).

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc còn 12,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 2,5 ngày làm việc; so với thời điểm năm 2024 giảm 12,5 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

2.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 15 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 12,5 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

2.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi tiết 1, điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP

ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi thành:

“Đối với các hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 8 Điều 15 Nghị định này: Trong thời hạn 12,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ giải quyết hồ sơ tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp giấy phép. Trường hợp không đủ điều kiện, phải có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do không cấp giấy phép.”.

2.4. *Lợi ích phương án đơn giản hóa:* Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

3. Thủ tục Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã số TTHC: 2.001426).

3.1. *Nội dung đơn giản hóa:* Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc còn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 2,5 ngày làm việc; so với thời điểm năm 2024 giảm 7,5 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

3.2. *Lý do đề nghị:* Thời hạn giải quyết theo quy định là 10 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 7,5 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

3.3. *Kiến nghị thực thi:* Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi tiết 1, điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi thành:

“Đối với hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 8 Điều 15 Nghị định này: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ giải quyết hồ sơ tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp giấy phép gia hạn, điều chỉnh nội dung. Trường hợp không đủ điều kiện, phải có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do không cấp giấy phép.”.

3.4. *Lợi ích phương án đơn giản hóa:* Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân;

nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

4. Thủ tục Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã số TTHC: 2.001795).

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc còn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 2,5 ngày làm việc; so với thời điểm năm 2024 giảm 7,5 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

4.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 10 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 7,5 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

4.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ điều chỉnh tiết 3, điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi thành:

“Đối với hoạt động quy định tại khoản 4, khoản 6, khoản 7 Điều 15 Nghị định này: Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ giải quyết hồ sơ tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp giấy phép. Trường hợp không đủ điều kiện, phải có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do không cấp giấy phép.”.

4.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

5. Thủ tục Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (Mã số TTHC: 1.003867).

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 05 ngày làm việc; so với thời điểm năm 2024 giảm 14,5 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

5.2. *Lý do đề nghị:* Thời hạn giải quyết theo quy định là 20 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 15 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

5.3. *Kiến nghị thực thi:* Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 6 Điều 12 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về an toàn đập, hồ chứa nước thành:

“b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.”.

5.4. *Lợi ích phương án đơn giản hóa:* Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

6. Thủ tục Phê duyệt phương án, cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (Mã số TTHC: 2.001804).

6.1. *Nội dung đơn giản hóa:* Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 18 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 03 ngày làm việc; so với thời điểm năm 2024 giảm 15 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

6.2. *Lý do đề nghị:* Thời hạn giải quyết theo quy định là 18 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 15 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

6.3. *Kiến nghị thực thi:* Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 23 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi thành:

“b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan tiếp nhận tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản và trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt để bổ sung, hoàn thiện.”.

6.4. *Lợi ích phương án đơn giản hóa:* Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài

lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

7. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.003232).

7.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 15 ngày làm việc; so với thời điểm năm 2024 giảm 15 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

7.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 30 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 15 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

7.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 6 Điều 12 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thành:

“b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.”.

7.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

8. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.003221).

8.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 05 ngày làm việc; so với thời điểm năm 2024 giảm 05 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 33%).

8.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 15 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 10 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

8.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 19 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thành:

“b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.”.

8.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

9. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.003211).

9.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 10 ngày làm việc; so với thời điểm năm 2024 giảm 10 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

9.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 20 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 10 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

9.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ điều chỉnh điểm b khoản 3 Điều 7 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thành:

“b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.”.

9.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ

của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

10. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

10.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp (giảm 10 ngày làm việc; so với thời điểm năm 2024 giảm 10 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

10.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 20 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 10 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

10.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiến nghị Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thành:

“b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.”.

10.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

XVIII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THU KHÁC CỦA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải (Mã số TTHC: 1.013040).

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 15 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

1.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 30 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 15 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

1.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Tài chính tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải, thành:

“Thời hạn thẩm định: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ khai phí của cơ sở xả khí thải, tổ chức thu phí thực hiện thẩm định Tờ khai phí”

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

XIX. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

1. Thủ tục Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý Nhà nước (Mã số TTHC: 1.003058).

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 35 ngày làm việc xuống còn 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 18 ngày làm việc, tương đương giảm 51,4%).

1.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 35 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 17 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

1.3. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi điểm d, điểm e, điểm g khoản 2 Điều 8 Thông tư số 17/2025/TTBNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thành:

“d) Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan chỉ định ký ban hành quyết định thành lập đoàn đánh giá cơ sở kiểm nghiệm;

e) Quyết định thành lập đoàn đánh giá phải nêu rõ phạm vi, nội dung đánh giá, danh sách và phân công trách nhiệm của từng thành viên tiến hành đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi kết thúc đánh giá tại cơ sở, đoàn đánh giá phải gửi kết luận về cơ quan chỉ định (Mẫu Biên bản đánh giá cơ sở kiểm nghiệm theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT);

g) Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc, kể từ khi nhận được kết luận của đoàn đánh giá, cơ quan chỉ định có trách nhiệm xem xét và chỉ định cơ sở kiểm nghiệm nếu đạt yêu cầu (mẫu Quyết định chỉ định quy định tại Phụ lục III ban

hành kèm theo Thông tư này). Nếu không đạt yêu cầu, cơ quan chỉ định có thông báo bằng văn bản về lý do không chỉ định cho cơ sở kiểm nghiệm;”.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

2. Thủ tục Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý Nhà nước (Mã số TTHC: 2.001254).

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 35 ngày làm việc xuống còn 18 ngày làm việc (cắt giảm 17 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 48,6%).

2.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 35 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 18 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

2.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi điểm d, điểm e, điểm g khoản 2 Điều 9 Thông tư số 17/2025/TTBNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thành:

“d) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan chỉ định ban hành quyết định thành lập đoàn đánh giá cơ sở kiểm nghiệm;

e) Quyết định thành lập đoàn đánh giá phải nêu rõ phạm vi, nội dung đánh giá, danh sách và phân công trách nhiệm của từng thành viên tiến hành đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi kết thúc đánh giá tại cơ sở, đoàn đánh giá phải gửi kết luận về cơ quan chỉ định (Mẫu Biên bản đánh giá cơ sở kiểm nghiệm theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT);

g) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ khi nhận được kết luận của đoàn đánh giá, cơ quan chỉ định có trách nhiệm xem xét và chỉ định cơ sở kiểm nghiệm nếu đạt yêu cầu (mẫu Quyết định chỉ định quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này). Nếu không đạt yêu cầu, cơ quan chỉ định có thông báo bằng văn bản về lý do không chỉ định cho cơ sở kiểm nghiệm;”.

2.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành

chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

3. Thủ tục Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm (Mã số TTHC: 1.002996).

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày làm việc xuống còn 2,5 ngày làm việc (cắt giảm 2,5 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

3.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 05 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 2,5 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

3.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 10 Thông tư số 17/2025/TTBNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thành:

“c) Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính thẩm định hồ sơ và trả lời kết quả bằng văn bản cho cơ sở kiểm nghiệm.”.

3.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

XX. LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Thủ tục Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh (Mã số TTHC: 1.013644).

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc còn 14 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ (giảm 06 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 30%).

1.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 20 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 14 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

1.3. Kiến nghị thực thi: Trong Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều không quy định ngày giải quyết đối với TTHC này. Ngày giải quyết TTHC được

Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định trong Quyết định số 1827/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Do đó, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét điều chỉnh thời gian giải quyết TTHC trong quyết định công bố TTHC.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

XXI. LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC

1. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (Mã số TTHC: 1.008.682).

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trường hợp cần kiểm tra thực tế từ 27 ngày làm việc xuống còn 13,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 13,5 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 50%).

1.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 27 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 13,5 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

1.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi điểm d, điểm đ, điểm e khoản 2 Điều 21 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, thành:

“d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định. Hội đồng thẩm định có ít nhất bảy (07) thành viên, với cơ cấu thành phần bao gồm: 01 Chủ tịch hội đồng; 01 Phó Chủ tịch hội đồng khi cần thiết; 01 Ủy viên thư ký và các ủy viên khác là đại diện của các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh về: nông nghiệp và môi trường, khoa học và công nghệ, cơ quan khoa học CITES và các chuyên gia có chuyên môn phù hợp;

đ) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp Quyết định ban hành Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; trong thời hạn 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định ban hành Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định tại Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, trường hợp không cấp Giấy chứng nhận

Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học phải nêu rõ lý do bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân;

e) Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận, Sở Nông nghiệp và Môi trường trả giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân đề nghị.”.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

2. Thủ tục Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (Mã số TTHC: 1.008675).

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trường hợp cần kiểm tra thực tế từ 15 ngày làm việc xuống còn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm 7,5 ngày làm việc, tỷ lệ giảm 50%).

2.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định là 15 ngày làm việc. Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho thấy có thể rút ngắn còn 7,5 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ trình tự, nội dung xem xét, thẩm định hồ sơ theo quy định.

2.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi điểm c, khoản 2 Điều 13 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, thành:

“c) Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo Mẫu số 20 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không cấp giấy phép, thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do”.

2.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan Nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.